TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/ 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đào Thị Thu Vân.**

2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 255, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thanh S, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Chị và anh S do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1990, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cải, tính tình không hợp nhau, anh S có quan hệ với người

phụ nữ bên ngoài, gia đình hai bên không dàn xếp. Anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh S.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung Hồ Thanh G, sinh ngày 29/12/1990 và Hồ Thanh L, sinh ngày 02/3/2001 (hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định không có.

Anh Hồ Thanh S đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh S có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hồ Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh S sống chung với nhau vào năm 1990 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cải, anh S có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, anh chị không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung Hồ Thanh G, sinh ngày 29/12/1990 và Hồ Thanh L, sinh ngày 02/3/2001 (hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh S trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T

- Về hôn nhân: Chị chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 22/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung Hồ Thanh G, sinh ngày 29/12/1990 và Hồ Thanh L, sinh ngày 02/3/2001 (hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của

chị T và anh S trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013172 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Trần Thị Thanh T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
-Các đương sự;
-Lưu.